TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 818/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 106/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đ L, sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 30/5A, ấp 4, xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà H M, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 30/5A, ấp 4, xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/3/2022 và theo bản nội dung bản tự khai thì lời trình bày của nguyên đơn Ông Đ L như sau:

Vào năm 2006, ông L và bà H M quen biết, yêu thương nhau, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/6/2006 (số 40, quyển số 01/2006). Khi kết hôn gia đình hai bên không có ai ngăn cản, cấm đoán, không bên nào cưỡng ép kết hôn, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống và cách sống không hòa hợp được. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đ Tr, sinh ngày 27/9/2006

ông L yêu cầu được nuôi cháu Tr, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn là bà M đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định tư cách tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thủ tục hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, về thủ tục cấp tống đạt cho đương sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Đ L và bà H M là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại 30/5A, ấp 4, xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

ông L và bà M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/6/2006 (số 40, quyển số 01/2006) nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về hôn nhân: Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông L và bà M có thời gian sống chung từ năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống không hòa hợp được. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vẫn không đến tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ bà M không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: đời sống chung vợ chồng của ông L và bà M đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Vì vậy, việc ông L yêu cầu ly hôn với bà M là có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Đ Tr, sinh ngày 27/9/2006

ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 16/5/2022 thì cháu Tr có nguyện vọng sống chung với ông L; cháu Tr hiện đang sống chung với ông L không nên thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu Tr. Vì vậy, yêu cầu của ông L là có cơ sở chấp nhận.

Về đóng góp nuôi con: ông L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung, nợ chung: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 21; 28; 35; 39; 48; 63; 184; 186; 188; 203; 205; 227; 228; 235; 244; 264; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đ L.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đ L và bà H M.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Đ Tr, sinh ngày 27/9/2006

Giao con chung tên Đ Tr cho ông Đ L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đ L cho đến khi có yêu cầu của bà H M.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Đ L chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ L đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0039074 ngày 22/3/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông Đ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- UBND xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Tp.HCM,
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm